

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về chủ trương đầu tư

Dự án: Xây dựng tuyến đường BTXM, thảm nhựa mặt đường (đường gom) khu A tái định cư khu phố Mỹ Điền, thị trấn Tuy Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của HĐND huyện Tuy Phước về quy định mức vốn dự án đầu tư công nhóm C HĐND huyện giao UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 727/UBND-TC ngày 17/05/2022 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng đường BTXM, thảm nhựa mặt đường (đường gom) khu A tái định cư khu phố Mỹ Điền, thị trấn Tuy Phước;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước tại Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 02/06/2022 và của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Báo cáo số 188/BC-PTCKH ngày 30/05/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng tuyến đường BTXM, thảm nhựa mặt đường (đường gom) khu A tái định cư khu phố Mỹ Điền, thị trấn Tuy Phước, với các nội dung như sau:

1. Tên công trình: Xây dựng tuyến đường BTXM, thảm nhựa mặt đường (đường gom) khu A tái định cư khu phố Mỹ Điền, thị trấn Tuy Phước.

2. Chủ đầu tư: UBND thị trấn Tuy Phước.

3. Địa điểm đầu tư: thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước.

4. Nhóm dự án: Nhóm C.

5. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng khu dân cư theo hướng hiện đại, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, bền vững theo quy hoạch chung của huyện và vùng phụ cận.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Phần nền, mặt, lề đường:

- Xây dựng tuyến đường gom: $B_n=3,00+7,00+3,00=13,00m$. Chiều dài $L=139,00m$ (bao gồm cả nút giao).

- Kết cấu:

+ Nền đường: Đào bỏ lớp đất nền hiện có để tạo khuôn, lu tăng cường K98 dày 30cm.

+ Mặt đường đổ BTXM M300 đá 2x4 dày 20cm, lót 1 lớp bạt nhựa.

+ Độ dốc dọc thiết kế: Theo độ dốc dọc khống chế theo cao trình quy hoạch.

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2,00%.

+ Độ dốc ngang lề đường: 1,00% dốc vào phía trong lòng đường.

+ Xây dựng bó vỉa phần chưa có và sửa chữa phần đã có hư hỏng bằng bê tông M200 đá 1x2.

+ Lát vỉa hè phần còn lại và xung quanh công viên với kết cấu từ trên xuống: Lát gạch Block, móng BTXM M150 đá 1x2, đất nền đầm chặt K95.

+ Trồng cỏ và cây bóng mát cho phần đất trong lòng công viên.

6.2. Thảm bê tông nhựa mặt đường:

- Thảm bê tông nhựa toàn tuyến đường và nút giao đổ bê tông.

- Kết cấu: Thảm bê tông nhựa trên mặt đường BTXM, được tính từ trên xuống như sau:

+ Lớp bê tông nhựa BTN mịn C12,5 dày 5cm.

+ Tưới nhựa dính bám, lượng nhựa 0,5 Kg/m².

6.3. Phần thoát nước mưa:

- Bổ sung hệ thống thoát nước mưa thu nước ngang đường bằng buy BTCTLT, đấu nối về hệ thống thoát nước dọc hiện có thuộc tuyến đường gom.

- Xây dựng các hố ga bằng bê tông M250.

- Dùng các hố ga thu nước để thu nước mặt đường vào hố ga dọc tuyến. Kết cấu bằng BTCT M250, nắp hố lắp song chắn rác bằng gang (tải trọng 25 tấn). Ống dẫn nước về hố ga bằng ống nhựa PVC đường kính 200mm; Cửa xả lắp van lật ngăn mùi HDPE, đường kính 200mm.

- Bổ sung một số tấm đan hư hỏng dọc theo mương thoát nước QL 1A.

6.4. Sơn an toàn giao thông:

- Vạch phân làn đường cùng chiều (vạch 1.1): Sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm, sơn màu vàng, nét đứt quãng (liền 1m, cách 2m), bề rộng vạch sơn 15cm.

- Vạch người đi bộ (vạch 7.3): Sơn dẻo nhiệt phản quang dày 2mm, vạch sơn màu trắng, mỗi vạch dài 3m rộng 40cm, cách nhau 60cm.

- Các vạch kẻ đường tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư: 1.214.957.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm mười bốn triệu, chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	999.900.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	29.357.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	90.354.000 đồng;
- Chi phí khác:	37.159.000 đồng.
- Chi dự phòng:	58.187.000 đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện hỗ trợ 100% giá trị xây lắp, phần còn lại ngân sách thị trấn Tuy Phước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Khả năng cân đối vốn: Theo kế hoạch bố trí vốn năm 2022-2023.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2023 (Triển khai công trình khi cân đối được nguồn vốn, kế hoạch vốn theo quy định).

Điều 2. UBND thị trấn Tuy Phước (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầu tư công trình theo nội dung nêu tại Điều 1 và đúng quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Trưởng phòng Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện, Chủ tịch UBND thị trấn Tuy Phước, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam